

NGUYỄN THÙY LINH	LTT.GV2.11.054
Ngày sinh: 03/02/1986	TP. HCM
Email: lytutrong09linh@gmail.com	0909.323.207
Đơn vị công tác: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp.Hồ Chí Minh	

KHÓA BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN CHÍNH – Hạng II
<i>Đơn vị tổ chức: Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh</i>
<i>Địa điểm học: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp.Hồ Chí Minh</i>

XÁC ĐỊNH TÂM LÝ HỌC SINH TRONG GIẢNG DẠY NGHỀ NGHIỆP

Bài thu hoạch này được hoàn thành vào ngày 01/ 03 /2019

MỤC LỤC

1. Đặt vấn đề	3
2. Cơ sở lí luận	5
3. Thực trạng	8
4. Đề Xuất	9

1. Đặt vấn đề

Hội nghị giáo dục đại học thế giới trước thềm thế kỉ XXI (WCHE1, Paris 10/1998) đã thảo luận xoay quanh các chủ đề lớn.

Trước hết, đó là sự toàn cầu hóa không thể tránh khỏi, toàn cầu hóa không chỉ có nghĩa về mặt kinh tế mà đó cũng là sự quốc tế hóa sự trao đổi con người và sự giao lưu tư tưởng, sự phát triển của xu hướng dân chủ hóa và sự mở rộng các quy tắc luật pháp trong hầu hết mọi xã hội; thứ hai, đặc điểm nổi bật của thời đại là sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ dẫn đến sự phát triển nhanh chóng và áp đảo của nền kinh tế tri thức; thứ ba, thành tựu và vị trí của công nghệ thông tin trong xã hội chúng ta đã vượt qua nhiều giới hạn trong trí tưởng tượng của con người.

Hội nghị nhấn mạnh đến tình trạng khoảng cách ngày càng tăng giữa các nước công nghiệp và hậu công nghiệp với các nước đang phát triển.

Hội nghị lưu ý đến nạn ô nhiễm và hủy hoại môi trường, về tình trạng của hành tinh này mà chúng ta sẽ để lại cho thế hệ mai sau.

Những đòi hỏi của thế giới “việc làm”, một thách thức nổi bật liên quan đến sự tiến triển của kinh tế và cơ cấu thị trường lao động. Nhiều bộ phận dân số đang phải chống chọi với sự loại trừ xã hội và bản thân sinh viên trẻ tốt nghiệp đại học cũng không tránh khỏi thất nghiệp.

Nhân loại cũng đang bị thiệt hại bởi nhiều cuộc xung đột, nghiêm trọng nhất là các cuộc chiến tranh quốc gia và khu vực và các hành động bạo lực.

Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết Việt Nam đang rất thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao.

Phần lớn người sử dụng lao động cho biết, tuyển dụng lao động là công việc khó khăn vì các ứng viên không có kỹ năng phù hợp hoặc vì sự khan hiếm người lao động trong một số ngành nghề cụ thể.

Về chất lượng nguồn nhân lực, nếu lấy thang điểm 10 thì Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 các nước châu Á tham gia xếp hạng của WB. Trong khi đó, Thailand, Malaysia lần lượt đạt 4,94 và 5,59 điểm.

Bên cạnh chất lượng lao động, cơ cấu nhân lực lao động của Việt Nam cũng nhiều bất cập lớn và có nguy cơ ngày càng gia tăng bất cập. Tính đến quý II/2015, cơ cấu trình độ nhân lực lao động Việt Nam là: 1 đại học trở lên – 0,35 cao đẳng – 0,65 trung cấp – 0,4 sơ cấp. Trong khi đó, theo quy luật, những người lao động trực tiếp trình độ trung cấp, sơ cấp phải nhiều hơn rất nhiều lần so với lao động gián tiếp (nguồn: Báo điện tử Chính phủ).

Sự chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và thái độ cũng như tâm lý để sẵn sàng di chuyển sang làm việc tại các nước ASEAN của lao động Việt Nam chưa cao. Trình độ tiếng Anh của lao động Việt Nam còn quá thấp và rất ít người lao động học ngôn ngữ của các nước ASEAN như Thailand, Lào, Campuchia...

Theo thỏa thuận trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), tám lĩnh vực ngành nghề được tự do di chuyển, gồm: (1) nha khoa, (2) điều dưỡng, (3) kỹ thuật, (4) xây dựng, (5) kế toán, (6) kiến trúc, (7) khảo sát và (8) du lịch. Chính phủ đã giao cho Bộ giáo dục và đào tạo thực hiện “Đề án Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”. Chủ trương phát triển giáo dục đại học nói chung là tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhưng chọn trọng tâm, trọng điểm ngành và trường. “Đầu tiên là chọn ngành theo hướng phải bám sát vào thị trường lao động; gắn đào tạo với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu”. Để thực hiện “Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc

tế”, một trong những tiêu chí của chương trình đào tạo chất lượng cao là phải đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động được dự báo, tăng cường các ngành công nghệ mũi nhọn theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư và tám nhóm ngành di chuyển lao động tự do ASEAN ưu tiên trước để đầu tư”. Bộ giáo dục và đào tạo chỉ hỗ trợ về chủ trương, chính sách để trình Chính phủ, còn thực hiện là các trường theo hướng cạnh tranh.

Việt Nam cần quyết liệt triển khai “Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”, trong đó có các giải pháp triển khai áp dụng khung trình độ quốc gia theo khung tham chiếu ASEAN đã được phê duyệt; thúc đẩy sự hình thành và phát triển hệ thống chuyển đổi tín chỉ, thực hiện công nhận văn bằng và chuyển đổi tín chỉ giữa các nước ASEAN và thế giới. đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đào tạo các lĩnh vực trong 8 lĩnh vực nghề nghiệp đã được ASEAN thỏa thuận.

2. Cơ sở lý luận

Xác định tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngày 28 tháng 12 năm 2018, lần đầu tiên, Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030. Nghị quyết đã nêu lên những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém của hệ thống giáo dục nghề nghiệp và nguyên nhân của những hạn chế. Trên cơ sở đó, Nghị quyết đã làm rõ quan điểm chỉ đạo và mục tiêu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo các giai đoạn, đồng thời đề ra 6 nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu.

Phấn đấu tăng quy mô tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp:

Giai đoạn đến năm 2021:

Phấn đấu nâng quy mô tuyển sinh đạt 2,6 triệu người mỗi năm ít nhất 80% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; có 40 trường được kiểm định, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí của trường chất lượng cao, trong đó khoảng từ 3 - 5 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; phấn đấu giảm tối thiểu 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, trong đó số lượng trường trung cấp giảm tối thiểu 15%; có ít nhất 10% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ về tài chính.

Giai đoạn đến năm 2025:

Phấn đấu nâng quy mô tuyển sinh đạt trên 4,6 triệu người mỗi năm ít nhất 85% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; có 70 trường được kiểm định, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí của trường chất lượng cao, trong đó có khoảng từ 5 - 7 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; tiếp tục giảm tối thiểu 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập so với 2021; phấn đấu có tối thiểu 20% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự chủ về tài chính.

Giai đoạn đến năm 2030:

Phấn đấu nâng quy mô tuyển sinh đạt trên 6,3 triệu người mỗi năm; ít nhất 90% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; có 100 trường được kiểm định, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí của trường chất lượng cao, trong đó 15 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; 50 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4. Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN.

Nghị quyết đưa ra 06 nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu (1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (2) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề trình độ đào tạo; (3) Tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; (4) Đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội; (5) Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và (6) Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp.

Theo Bộ trưởng Đào Ngọc Dung, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, năm 2019 Bộ Lao động – Thương binh và xã hội sẽ tiếp tục tập trung cao độ cho Giáo dục nghề nghiệp. Hướng tới, làm sao cả xã hội, nhất là nhận thức của các bậc cha mẹ, người học, dần dần tiếp cận vấn đề, coi việc học nghề là một xu hướng tất yếu, là sự cần thiết thực sự trong xu thế thị trường.

Muốn làm được như vậy, năm 2019 tiếp tục quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới, tinh gọn, hiệu quả. Phần đầu tỷ lệ người học nghề ít nhất gấp 2 lần so với năm 2018. Năm qua là năm đầu tiên hoàn thành và vượt chỉ tiêu, nhưng không được bằng lòng với kết quả đó, phải phấn đấu gấp đôi.

Đồng thời, mạnh dạn đưa hơn mười mẫy nghề trong 34 bộ giáo trình tiếp cận thị trường quốc tế để có thể chuyển dịch lao động trong nước và quốc tế, để có thể phù hợp di chuyển thể nhân trong thời kỳ mới, đồng thời nghiên cứu lại chương trình đào tạo 9 + để không lãng phí nguồn nhân lực, không phải kéo dài nguồn

nhân lực này trong quá trình học tập. *(Mô hình 9+ là mô hình học sinh tốt nghiệp THCS là có thể học thẳng lên cao đẳng. Thời gian qua Bộ LĐ-TB&XH thí điểm mô hình này, các em 18-19 tuổi đúng Luật Lao động gia nhập thị trường và rất hiệu quả- P.V).*

Đi đôi với nó là tiếp tục đặt hàng đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo theo địa chỉ đầu ra. Tạo ra Giáo dục nghề nghiệp thực sự đồng bộ và với 3 khâu đột phá là tự chủ, kết nối và chuẩn hóa.

3. Thực trạng

Cánh cửa đại học đã rộng mở với hầu như mọi thí sinh, cùng với tâm lý trọng bằng cấp nên xuất hiện tình trạng “Cử nhân chạy xe ôm công nghệ lại không chịu học nghề trong khi thị trường nhu cầu lao động cao”.

“Làm thế nào để học sinh thích học nghề hơn học đại học?” Trong khi chính người dạy nghề hiện nay gặp rất nhiều thiệt thòi. Lương thầy dạy thấp thì ai muốn dạy, ai muốn gắn bó lâu dài, còn phụ huynh thì mong con mình được thành danh, có mức lương ổn định.

Sự phân luồng theo kiểu rớt lớp 10 công lập mới đi học nghề là không ổn, các em học sinh sẽ bị vấn đề tâm lý.

Từ vấn đề tâm lý này học sinh sẽ có tâm trạng không vui, không mong muốn học tập, không hình thành được động cơ học tập. Mặt khác, khi học sinh rớt lớp 10 chỉ có hai lựa chọn. Một là, gia đình có điều kiện cho các em theo học các trường dân lập. Hai là, các em theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trình độ, khả năng tư duy, nhận thức, ý thức và thái độ của các em không được tốt. Phần lớn các em học sinh vào lớp quây phá, sử dụng điện thoại..... không quan tâm đến kiến thức cần tích lũy dẫn đến không hình thành được kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu xã hội, không đảm bảo được chất lượng đào tạo. Đây là một vấn đề nhức nhối của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo viên dạy nghề hiện nay.

4. Đề xuất biện pháp

Qua khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính và cùng với thực trạng của giáo dục nghề nghiệp nói chung, tình hình giảng dạy tại trường nói riêng. Với vị trí làm việc là một giảng viên và tầm nhìn của một học viên, tôi xin đề xuất các biện pháp như sau:

Đẩy mạnh công tác truyền thông “Giáo dục đào tạo nghề là con đường dẫn tới sự nghiệp ổn định với mức lương khá. Không đơn thuần chỉ là một nghề, nó mang lại những lựa chọn công việc đa dạng mà bạn có thể chưa nghĩ tới. Cho phép bạn có kỹ năng và kinh nghiệm thực tế để bạn sẵn sàng cho việc làm...”

Hoàn thiện định mức lao động, ưu đãi lương đối với nhà giáo.

Công tác tuyển sinh, tư vấn luồng cho học sinh nên làm sớm để học sinh nhận thức được lợi ích của học nghề. Đặc biệt cần sự hỗ trợ của giáo viên dạy lớp 9 định hướng cho học sinh theo hướng học nghề.

Đưa thêm nguyện vọng cao đẳng nghề, trung cấp nghề vào hồ sơ đăng kí thi lớp 10

Ngoài kiến thức chuyên môn, người giảng viên cần xác định rõ tâm lý học sinh, có sự hiểu biết về học sinh, có mối quan tâm và lòng tôn trọng đối với học sinh. Vì đối tượng học sinh là học sinh lớp 9 nên giáo viên chủ nhiệm lớp, các nhân viên phòng quản lý học sinh cần theo sát mức độ chuyên cần của học sinh, thường xuyên liên lạc với phụ huynh để thông tin kịp thời tình hình và kết quả học tập để uốn nắn các em học sinh. Sự ổn định về mặt cảm xúc của giáo viên là yếu tố vô cùng quan trọng, cố gắng giữ thái độ vui vẻ, trau dồi các kỹ năng quan trọng để việc giảng dạy hiệu quả hơn như là “Khả năng nói” và “Khả năng làm cho sinh viên phát biểu” xuất phát từ quan điểm dạy học “hướng vào sinh viên”. Sử dụng câu hỏi nâng cao; Hỏi nhiều câu hỏi có tính tìm kiếm; Ít nhắc lại các câu trả lời của

sinh viên hơn; Nhiệt tình và quan tâm tới sinh viên; Có khả năng trình bày các tài liệu mới theo phương pháp “từng bước”; Đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của sinh viên; Theo dõi tiến bộ của sinh viên, tham gia và hỗ trợ khi sinh viên khó khăn trong một bài tập; Sử dụng phương pháp ôn tập và giảng lại nội dung bài học để đảm bảo sinh viên hiểu được; Cung cấp thông tin phản hồi trước và trong suốt hoạt động đánh giá; Sử dụng câu hỏi, thảo luận trên lớp để thúc đẩy và kiểm tra sự hiểu biết của sinh viên về một chủ đề.

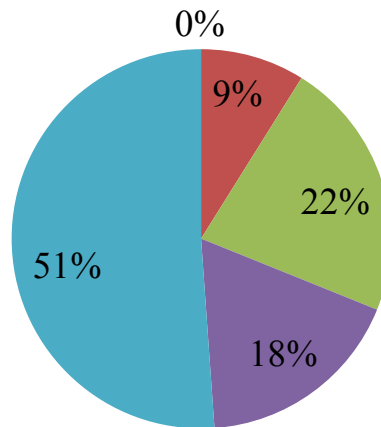
Về phía nhà trường, tạo điều kiện, hỗ trợ giáo viên giảm tỉ lệ học sinh/giáo viên từ 80 học sinh/giáo viên xuống còn 20 học sinh/giáo viên. Bên cạnh đó, nhà trường đầu tư trang thiết bị phòng xưởng kết hợp với các doanh nghiệp để tránh tình trạng học nhàm chán, học lý thuyết gắn liền với thực hành, gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp. Hiện tại, trường Cao đẳng Lý Tự Trọng có hai phòng đáp ứng được yêu cầu này là phòng “Thợ điện xanh” – do Schneider Electric tài trợ và trung tâm “KONE” – do công ty thang máy KONE tài trợ. Ngoài ra, nhà trường cần tổ chức, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tập huấn bồi dưỡng giúp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cho giáo viên giúp giáo viên nghiên cứu kết quả học tập của học sinh, liên quan tới việc giảng dạy của giáo viên. Từ đó giáo viên hiểu thực tế giảng dạy của chính mình và tiếp tục theo dõi sự tiến bộ trong học tập của học sinh. Hơn nữa giáo viên có thể nhận dạng và tìm hiểu rõ nhất nguyên nhân của các vấn đề và hệ quả trong giáo dục ở chính những nơi có sự tác động, đó là lớp học và trường học.

Sau thời gian theo học khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, bản thân tôi có một vài điều chỉnh nhỏ cụ thể trong việc tổ chức giảng dạy và quản lý lớp học trong môn Trang bị điện mà tôi giảng dạy. Khi bắt đầu giờ dạy, tôi không dạy bài mới mà dành 30’ cho tất cả học sinh trong lớp làm kiểm tra bài cũ. Cuối giờ dạy, tôi giao bài tập về nhà cho học sinh làm

trong tuần. Tôi cố gắng chấm và trả lại bài cho học sinh ngay tuần sau đó. Kết quả học tập của học sinh được cập nhật hàng tuần.

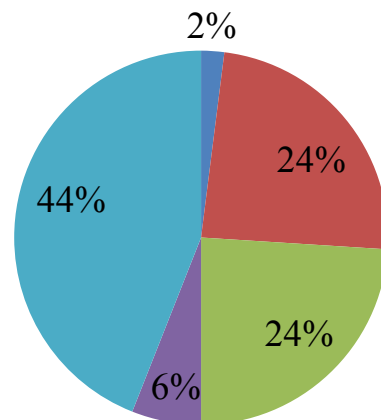
Kết quả học tập của học sinh trước khi giáo viên áp dụng phương pháp dạy học mới

■ Giỏi ■ Khá ■ Trung bình ■ Trung bình yếu ■ Kém



Kết quả học tập của học sinh sau khi giáo viên áp dụng phương pháp dạy học mới

■ Giỏi ■ Khá ■ Trung bình ■ Trung bình yếu ■ Kém



Kết quả học tập từ 0% học sinh giỏi lên 2%, 9% học sinh khá tăng mạnh lên 24%, 22% học sinh trung bình tăng nhẹ lên 24%, 18% học sinh trung bình yếu

giảm mạnh xuống 6%. Tuy nhiên số lượng học sinh kém chỉ giảm nhẹ từ 51% xuống còn 44%. Nhìn chung học sinh học nghiêm túc hơn, theo dõi, tham gia vào bài học tăng lên.

Filename: LTT.GV2.11.054.docx
Directory: C:\Users\DELL\Desktop
Template: C:\Users\DELL\AppData\Roaming\Microsoft\Templates\Normal.dotm
Title:
Subject:
Author: Nguyễn Thùy Linh
Keywords:
Comments:
Creation Date: 02/27/2019 9:43:00 AM
Change Number: 18
Last Saved On: 03/03/2019 3:46:00 AM
Last Saved By: Nguyễn Thùy Linh
Total Editing Time: 476 Minutes
Last Printed On: 03/03/2019 5:26:00 AM
As of Last Complete Printing
 Number of Pages: 12
 Number of Words: 2,294 (approx.)
 Number of Characters: 13,080 (approx.)